TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 20 - 4- 2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thu

2. Bà Phạm Thị Cung

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký TAND huyện Yên Định.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa*:**

Ông Nguyễn Đăng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 20/4/2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai, vụ án thụ lý số 224/2022/TLST - HNGĐ ngày 06/10/2022 về việc Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 03/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm: 1970. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn Q, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1979. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Q, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2022 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn bà Phạm Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Xuân T xây dựng gia đình tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau 01 năm thì tiến tới hôn nhân. Đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q, huyện Yên Định ngày 30/10/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T hay uống rượu say, thường xuyên về nhà đánh đập bà, ông T không tu chí làm ăn, không chăm lo tới cuộc sống gia đình dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng. Sau khi mâu thuẫn sảy ra đã được hai bên gia đình khuyên can hòa giải nhưng không thành. Cuối năm 2011 bà đi Hà Nội làm ăn, kể

từ lúc đấy vợ chồng bà sống ly thân cho tới nay, hai bên không ai quan tâm tới ai. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung: Bà M và ông T trình bầy vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/3/2023 và quá trình giải quyết bị đơn ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà M kết hôn do hai bên tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q, huyện Yên Định. Sau khi kết hôn bà M về nhà ông ở. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng lấy nhau đã lâu nhưng không có con. Nguyên nhân khác là bố ông là ông Nguyễn Xuân Toan uống rượu có hay chửi bới bà M. Từ những nguyên nhân trên dẫn tới hai vợ chồng hay cãi vã nhau, đến tháng 09/2011 thì bà M bỏ nhà đi không về, vợ chồng ông ly thân từ đó cho tới nay. Hiện tại bà M làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông xác định tình cảm không con nên đồng ý ly hôn với bà M.

Về con chung: Ông và bà M không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Ông và bà M không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Các đương sự vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Bị đơn chưa thực hiện dầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.Về nội dung: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật TTDS; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí. Đề nghị HĐXX xử: Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị M, đề nghị Tòa án xử cho bà Phạm Thị M được ly hôn ông Nguyễn Xuân T.

Về án phí: Đề nghị HĐXX xử lý theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ **1**} Về tố tụng:

1.1. Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ theo chứng cứ tài liệu do nguyên đơn cung cấp, Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của bà M và ông T là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS.

1.2. Về sự vắng mặt của các đương sự:

Bà M và ông T yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà M và ông T là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

{**2**} Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, mặt khác ông T hay uống rượu say, thường xuyên về nhà đánh đập bà M, không tu chí làm ăn, không chăm lo tới cuộc sống gia đình. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Bà M và ông T sống ly thân từ tháng 9/2011 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông T đã mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay bà M xin ly hôn, về phía ông T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp.

- *Về con chung:* Bà M và ông T vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- *Về tài sản và công nợ chung:* Bà M và ông T không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- *Về án phí*: Bà M là người khởi kiện nên phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị M.

Về Hôn nhân: Chấp nhận bà Phạm Thị M được ly hôn ông Nguyễn Xuân T.

Về con chung: Bà M và ông T không có con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Bà M và ông T không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Phạm Thị M phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn)* mà bà M đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2021/0003610 ngày 05/10/2022 Chấp nhận bà M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho bà M và ông T trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- UBND thị trấn Q;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Thắng